

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 23 – 5 – 2019  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thanh Nhanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Lâm.

2. Ông Lý Thanh Phong.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Thành Đạt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**

Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Lâm Thúy T.**

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà **Sơn Thị P.**, là Luật sư - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh **Trần Minh T.**

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lâm Thúy T trình bày:

Chị Lâm Thúy T và anh Trần Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng ngày 26 tháng 11 năm 2015 và tổ chức đám cưới vào ngày 22 tháng 12 năm 2015. Sau khi kết hôn chị T và anh T chung sống hạnh phúc, nhưng đến ngày 19 tháng 02 năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu

thuần, nên chị T với anh T không còn chung sống với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh T không chăm lo làm ăn, không quan tâm gia đình. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

Chị T với anh T có một con chung tên Trần Lâm N, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2016. Hiện nay cháu N đang sống cùng với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Trần Minh T trình bày:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nhưng anh không thống nhất với trình bày của chị T về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian chung sống, vì vợ chồng không có mâu thuẫn, do anh điều trị bệnh tại nhà nên không làm việc, không có thu nhập. Anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; con chung hiện nay dưới 36 tháng tuổi và đang sống chung với chị T, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và nuôi con, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con và Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị T và anh T thống nhất với nhau về: Thời gian đám cưới, đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp, thì chị T và anh T đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 26 tháng 11 năm 2015. Nay chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng anh còn thương vợ, con. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị không còn tình cảm với anh T nữa, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc.

Do đó, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung:

Chị T với anh T có một con chung tên Trần Lâm N, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2016. Hiện nay cháu N đang sống cùng với chị T. Chị T và anh T đều yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, cháu N tính đến nay dưới 36 tháng tuổi, nên giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quyền, nghĩa vụ của anh T đối với con chung: Anh T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị T; anh cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng do chị T thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm, nên chị T không phải nộp án phí sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lâm Thúy T được ly hôn với bị đơn anh Trần Minh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Lâm N, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2016 cho chị Lâm Thúy T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N tròn 18 (mười tám) tuổi.

Anh Trần Minh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N được sống chung với chị T.

Anh Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Anh Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâm Thúy T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm, nên chị T không nộp tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Thanh Nhanh**